

Bản án số: 139/2019/DS-ST

Ngày: 25-10-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng

2. Bà Thi Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/TLST-**DS** ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 448/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 09 năm 2019 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 669/2019/TB-TA ngày 25/09/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lý Minh L, sinh năm 1979 và chị Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1985; cùng cư trú: Số 278, tổ 11, khóm Long Hưng 2, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lý Minh L: Luật sư Nguyễn Thạch T, Văn phòng Luật sư Nguyễn Thạch T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ 17, khóm Long Hưng 2, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Tô Văn Đ, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 17, **khóm** Thượng 2, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

4. Người làm chứng: Bà Trần Thị Hiếu (Bảy C), sinh năm 1956; nơi cư trú: Tổ 17, **khóm** Thượng 2, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/09/2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Lý Minh L và bà Trần Thị Ngọc Y trình bày:

Trước đây bà Trần Thị Ngọc G có đến cửa hàng của ông L, bà Y mua vật tư nông nghiệp để canh tác và gia đình bà G có đất nông nghiệp và làm hợp tác xã nên có uy tín ở địa phương nên giữa bà G và vợ chồng ông L nhiều năm mua vật tư và thanh toán tiền diễn ra thuận lợi. Sau đó đến năm 2016 bà Trần Thị Ngọc G đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông L mua phân bón thuốc trừ sâu, bà G nói rằng là thuê khoảng 40 đến 50 công để canh tác hoa màu, khi bà G hỏi mua thì vợ chồng ông L có hỏi bà G mua cho ai thì bà G trả lời bà mua cho bà để thuê đất canh tác và bà có dẫn Tô Văn Đ đến và nói là cháu cho Đ đến nhận hàng, vì Đ biết các mặt hàng thuốc và biết sử dụng thuốc trong canh tác đất, bà G nói cứ cho Đ nhận hàng và ký vào sổ nhận hàng, phương thức mua bán là sau khi thu hoạch thì thanh toán số tiền, vụ mùa năm 2016 thì thanh toán tiền đầy đủ, đến vụ mùa năm 2017 thì hai bên kết sổ lại bà G nợ 80.000.000 đồng, sau đó đến ngày 26/04/2018 có trả 10.000.000 đồng, vụ mùa này còn nợ là 70.000.000 đồng. Vụ mùa năm 2018 số tiền là 85.876.000 đồng, có trả được 15.000.000 đồng còn nợ lại 70.876.000 đồng, khi hai bên kết sổ thì bà G cùng Đ đều ký nhận nợ tiền và khi trả nợ cũng ký nhận trả nợ, vợ chồng ông L đã yêu cầu bà G trả tiền nhưng phía bà G cho rằng Đ mua thì Đ có trách nhiệm trả, bà chỉ G thiệu Đ, việc vợ chồng ông L bán vật tư nông nghiệp cho Đ thì Đ có trách nhiệm trả còn bà G không có trách nhiệm trong vụ án này nhưng không được phía vợ chồng ông L đồng ý, nên khởi kiện bà G và ông Đ cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ vụ mùa 2017 số tiền 70.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 26/04/2018 cho đến ngày xét xử, vụ mùa 2018 số tiền 70.876.000 đồng, lãi suất phát sinh từ ngày 16/04/2018 cho đến ngày xét xử theo lãi suất Ngân Hàng Nhà Nước quy định là 9%/năm.

2. Bị đơn bà Trần Thị Ngọc G trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc G xác định gia đình có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng ông L, bà Y. Sau khi chồng bà mất vài năm thì bà có dẫn bà Trần Thị H (Bảy C) đến G thiệu với vợ chồng ông L mua vật tư nông nghiệp, sau đó thì Bà có dẫn Đ đến nhận hàng và bà nói đây là cháu của Bà, và giữa Đ và ông L mua bán vật tư nông nghiệp vụ đầu trả tiền đầy đủ không nợ, đến mùa vụ năm 2017 và vụ năm 2018 thì bà không có trách nhiệm. Theo bà G biên nhận nợ ngày 16/4/2018 và biên nhận nợ tiền ngày 26/04/2018 của ông L cung cấp thì bà có ký nhận và xác định là chữ ký tên của bà và ông Đ, nhưng bà cho rằng bà ký với tư cách là người làm chứng, các biên nhận nợ tiền và trả tiền bà xác định bà có ký nhận. Bà không

đồng ý trả nợ cho ông Lý Minh L và bà Trần Thị Ngọc Y vì Tô Văn Đ mua vật tư nông nghiệp thì có trách nhiệm trả cho ông L, và Đ cũng thừa nhận số tiền trên là do Đ mua canh tác đất thuê nhưng do vụ mùa thu hoạch lỗi nên không có khả năng trả nợ. Bà xác định vụ mùa đầu tiên bà G thiêu thì đã trả đầy đủ, còn những vụ mùa sau thì Đ phải chịu trách nhiệm trả cho ông L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Văn Đ trình bày:

Ông Tô Văn Đ xác định ông không quen biết ông L, bà Y và gia đình ông ở khóm Thượng 2, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, do mẹ ruột ông Đ là bà Trần Thị H (Bảy C) và bà Trần Thị Ngọc G là chị em kết nghĩa nên ông có nhờ bà G mua vật tư nông nghiệp dùm để ông có vật tư canh tác đất thuê, vào năm 2016 thì bà G có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông L mua vật tư nông nghiệp và có dẫn ông Đ theo nói là cháu cho nhận hàng và ký vào sổ nhận hàng, khi kết sổ số tiền còn nợ bao nhiêu thì bà G và ông ký tên, ông và bà G có ký tên nợ tiền vật tư nông nghiệp của vợ chồng ông L vụ mùa 2017 là 70.000.000 đồng, vụ mùa 2018 là 70.876.000 đồng, tổng cộng số tiền vốn là 140.876.000 đồng, khi trả tiền cũng có bà G ký tên trả tiền. Nay theo yêu cầu khởi kiện của ông L, bà Y thì ông Đ xác nhận có nợ tiền như nội dung khởi kiện của vợ chồng ông L, Do thu hoạch vụ mùa lỗi nên chưa có khả năng thanh toán, nay ông Đ đồng ý trả tiền nợ vật tư nông nghiệp cho bà Trần Thị Ngọc G như số tiền bà G trả cho ông L, bà Y, nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên xin hện trả dần cho bà Trần Thị Ngọc G cho đến khi dứt số nợ nêu trên.

4. Người làm chứng Bà Trần Thị H (Bảy C) trình bày:

Bà Trần Thị H và bà Trần Thị Ngọc G là chị em kết nghĩa, vào đầu năm 2016 con bà Tô Văn Đ thuê đất canh tác mà không có tiền mua vật tư nông nghiệp, nên bà H có nhờ bà Trần Thị Ngọc G mua vật tư nông nghiệp dùm để canh tác, bà H và Đ không quen biết ông L, bà Y nên nhờ bà G có quen cửa hàng bán vật tư nông nghiệp mua dùm cho Đ để Đ canh tác đất, bà G đồng ý nên bà G dẫn Đ đến cửa hàng ông L, bà Y thỏa thuận mua vật tư nông nghiệp, sau khi thu hoạch vụ mùa thì trả tiền. Bà H xác định không đến gặp ông L, bà Y, như lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc G, mà bà G là người trực tiếp giao dịch với vợ chồng ông L, sau đó có dẫn Đ lại nhận vật tư nông nghiệp. Sau khi thu hoạch 02 vụ mùa 2017 và 2018 do thua lỗ nên còn nợ là 140.876.000 đồng của cửa hàng ông L, ông L đòi nợ bà G thì Tô Văn Đ cũng thừa nhận nợ và xin hện trả dần nhưng không được phía ông L đồng ý, vì ông L cho rằng người mua là bà Trần Thị Ngọc G và Tô Văn Đ nhận hàng nên bà G và Đ có trách nhiệm trả liên đới trả cho vợ chồng ông L là phù hợp, nhưng do Đ hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin hện trả dần cho đến khi dứt số nợ nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay: Các đương sự giữ nguyên ý kiến và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

5. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày lời bảo vệ như sau:

Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, đủ cơ sở xác định, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (vật tư nông nghiệp) được xác lập giữa bên bán là ông L, bà Y và bên mua là bà G, ông Đ. Hai bên thực hiện không xác lập hợp đồng mà mua bán thỏa thuận qua lời nói, bà G là khách hàng thân quen qua nhiều năm, do đó khi bà G đến mua thì ông L, bà Y đồng ý bán. Đối với ông Đ là người mà ông L, bà Y không quen biết nên không thể là chủ thể mua hàng trong vụ này mà chỉ có thể là người nhận hàng của bà G, ngoài ra 02 biên nhận nợ của vụ mùa 2017 và 2018 bà G và Đ đều ký nhận nợ, bà G cho rằng bà chỉ G thiêu bà Trần Thị H (Bà C) với vợ chồng ông L, và việc ông L, bà Y đồng ý bán vật tư nông nghiệp hay từ chối là quyền của vợ chồng ông L là không có căn cứ, vì theo lời trình bày của bà H và Tô Văn Đ đều xác định không quen vợ chồng ông L, và vợ chồng ông L cũng không biết hoàn cảnh kinh tế, địa chỉ bà H và Đ ở đâu thì không đủ điều kiện mua hàng trước, thanh toán sau khi thu hoạch như lời trình bày của bà G. Ngoài ra bà H, ông Đ cũng xác định khi đến giao dịch mua vật tư nông nghiệp bà G là người trực tiếp giao dịch và bà cũng xác định bà mua vật tư cho bà G và dẫn Đ đến để nhận hàng, mỗi lần kết sổ nợ và trả nợ đều có bà G và Đ ký tên. Do đó, ông L, bà Y khởi kiện yêu cầu bà G và Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vụ mùa 2017 là 70.000.000, bà G và Đ có làm biên nhận nợ ngày 26/4/2018 đồng, đến vụ mùa 2018 nợ 70.876.000 đồng, có làm biên nhận nợ ngày 16/4/2018 và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

6. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (vật tư nông nghiệp) được xác lập giữa bên bán là ông L, bà Y và bên mua là bà G. Hai bên thực hiện không xác lập hợp đồng mà mua bán thỏa thuận qua lời nói được thể hiện thông qua hai biên nhận lập ngày 16/4/2018 và 26/4/2018. Theo hai biên nhận đều thể hiện bị đơn bà G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ ký xác nhận còn nợ như nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên bị đơn bà G không thừa nhận việc mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn mà cho rằng do Đ mua, nhưng theo lời trình bày của ông Đ, bà H, ông L, bà Y đều xác nhận cả hai không quen biết nhau, mà do bà G quen và khách hàng thường xuyên của ông L nên vợ chồng ông L mới bán vật tư nông nghiệp cho bà G và thanh toán tiền sau khi thu hoạch

xong vụ mùa, do đó lời trình bày của bà G là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà G và Đ cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 02 vụ mùa của 2017 và 2018 và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Trần Thị Ngọc G** và **Tô Văn Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và bị đơn bà Trần Thị Ngọc G, bà G có nơi cư trú: Tổ 17, khóm Long Hưng 2, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết: Do giao dịch dân sự được xác lập trước ngày 01/01/2017 nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án;

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về mua bán tài sản được xác lập năm 2017, 2018, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 157 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự. Xác định vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (vật tư nông nghiệp) được xác lập giữa bên bán là ông L, bà Y và bên mua là bà G và Tô Văn Đ. Hai bên thực hiện không xác lập hợp đồng mà mua bán thỏa thuận qua lời nói và xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông L, bà Y yêu cầu bị đơn bà G có nghĩa vụ thanh toán 02 khoản tiền là: Vụ mùa 2017 số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 26/4/2018 cho đến ngày xét xử theo lãi suất ngân hàng quy định, và vụ mùa 2018 số tiền vốn là 70.876.000 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 16/4/2018 cho đến ngày xét xử theo lãi suất ngân hàng quy định. Sau đó nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Đ và bà G cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền vụ mùa 2017 số tiền là 70.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 26/4/2018 và vụ mùa 2018 số tiền là 70.876.000 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 16/4/2018 cho đến ngày xét xử theo lãi suất ngân hàng quy định.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn bà G cho rằng bà G thiệu ông Đ cho ông L, bà Y đến của hàng mua vật tư nông nghiệp, giữa Đ và ông L mua bán vật tư nông nghiệp vụ đầu năm 2016 trả tiền đầy đủ không nợ, đến mùa vụ năm 2017 và vụ năm 2018 thì bà không có trách nhiệm. Theo bà G biên nhận nợ ngày 16/4/2018 và biên nhận nợ tiền ngày 26/04/2018 của ông L cung cấp thì bà có ký nhận và xác định là chữ ký tên của bà và ông Đ, nhưng bà cho rằng bà ký với tư cách là người làm chứng, ngoài lời khai của bà thì bà không có chứng cứ nào khác, bà G cho rằng bà không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

[2.3] Xét ý kiến của người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan ông Tô Văn Đ và người làm chứng bà Trần Thị H (Bấy C) đều xác định, do không quen nên nhờ bà G mua vật tư nông nghiệp dùm để canh tác đất, mỗi lần kết sổ nợ và trả tiền mua vật tư thì phải có bà G ký tên nhận nợ và trả tiền thì phía ông L, bà Y mới đồng ý bán và đồng ý cho trả nợ. Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn Đ đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền nợ vụ mùa 2017 số tiền là 70.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 26/4/2018 và vụ mùa 2018 số tiền là 70.876.000 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 16/4/2018 cho đến ngày xét xử theo lãi suất ngân hàng quy định, nhưng nay do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên xin hẹn trả dần mỗi năm 15.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ nêu trên.

[3] Từ những cơ sở, căn cứ nêu trên: Hợp đồng mua bán tài sản (vật tư nông nghiệp) được thực hiện giữa nguyên đơn với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên. Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa bà G và ông L, bà Y là hàng xóm và bà G là khách hàng lâu năm, đã có mua bán với nhau nhiều năm, nên khi bà G đến cửa hàng của ông L, bà Y hỏi mua vật tư nông nghiệp canh tác đất thì vợ chồng của ông L mới đồng ý bán vật tư nông nghiệp cho bà G và khi xong vụ mùa thì thanh toán tiền, sau đó bà có dẫn ông Đ đến cửa hàng ông L và để ông L biết đây là cháu của bà G và cho Đ nhận hàng, khi nhận hàng thì vào sổ những mặt hàng mà ông Đ nhận, sau đó giữa bà G, vợ chồng ông L và ông Đ kết sổ lại những mặt hàng đã mua và kết sổ số tiền cụ thể và bà G và ông Đ đều ký nhận, sau khi thu hoạch vụ mùa khi đem tiền trả cho ông L thì có bà G và ông Đ ký nhận trả nợ. Do đó, bà Trần Thị Ngọc G và ông Tô Văn Đ phải cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông L, bà Y số tiền còn nợ vụ mùa 2017 số tiền là 70.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 26/4/2018 và vụ mùa 2018 số tiền là 70.876.000 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 16/4/2018 cho đến ngày xét xử theo lãi suất ngân hàng quy định là có căn cứ phù hợp pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc G cho rằng hợp đồng mua vật tư nông nghiệp là ông Tô Văn Đ mua và canh tác, bà không có trách nhiệm trả nợ cho ông Tô Văn Đ, thì bà có quyền khởi kiện ông Tô Văn Đ bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[5] Xét lời bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn của Luật sư cho rằng: Luật sư xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là

có căn cứ. Về nội dung yêu cầu buộc bà G và ông Đ có trách nhiệm liên đới trả tiền vụ mùa 2017 số tiền là 70.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 26/4/2018 đến ngày 25/10/2019 là 9.432.500 đồng, vụ mùa 2018 số tiền là 70.876.000 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 16/4/2018 đến ngày 25/10/2019 là 9.727.731 đồng, tổng cộng số tiền là 160.124.000 đồng.

[6] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[7] Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tiền nợ vụ mùa 2017 là 70.000.000 đồng, lãi chậm thanh toán từ ngày 26/4/2019 đến ngày 25/10/2019 là (538 ngày x 70.000.000 đồng x 0,75%/ 30 ngày = 9.415.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 79.415.000 đồng).

- Tiền nợ vụ mùa 2018 là 70.876.000 đồng, lãi chậm thanh toán từ ngày 16/4/2019 là (548 ngày x 70.876.000 đồng x 0,75%/30 ngày = 9.710.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 80.586.000 đồng

Tổng cộng tiền nợ 02 vụ mùa là 160.001.000 đồng

Do đó, buộc bà Trần Thị Ngọc G và ông Tô Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lý Minh L và bà Trần Thị Ngọc Y số tiền tổng cộng là 160.001.000 (Một trăm sáu mươi triệu không trăm lẻ một nghìn) đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

- **Bà Trần Thị Ngọc G và ông Tô Văn Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430; Điều 440; Điều 357; Điều 288; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Minh L và bà Trần Thị Ngọc Y.

Buộc bà Trần Thị Ngọc G và ông Tô Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lý Minh L và bà Trần Thị Ngọc Y số tiền 160.001.000 (Một trăm sáu mươi triệu không trăm lẻ một nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị Ngọc G và ông Tô Văn Đ phải chịu 8.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

2.1. Hoàn lại 3.840.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lý Minh L theo biên lai thu số 0001910 ngày 13/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Trần Ngọc Diệu